

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 23/12/2021
V/v “Tranh chấp chia tài sản
chung của vợ chồng trong thời
kỳ hôn nhân”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Tài – Ông Lê Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái- Kiểm sát viên.

Từ ngày 21 và ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLPT-HNGĐ ngày 28/6/2021 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị D, sinh năm 1947, nơi cư trú: tổ 12, khóm S Đ, thị trấn N B, huyện T B, tỉnh A G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Hồng D – Văn phòng Luật sư Huỳnh Hồng D, thuộc Đoàn luật sư An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1995, nơi cư trú: khóm Sơn Đông, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2017).

+ Ông Bùi Hữu P, sinh năm 1981, nơi cư trú: ấp Bình Hòa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2021).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1945, nơi cư trú: tổ 12, kh S Đ, thị

trần N B, huyện T B, tỉnh A G.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Nguyễn Phước H, sinh năm: 1997, ngụ ấp Trung phú 4, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lại Văn Giang – Cty Luật TNHH MTV Tấn Thành (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1966, nơi cư trú: số 30, tổ 7, ấp T B H, xã N H, huyện T B, tỉnh A G.

+ Bà Huỳnh Thị Tuyết M (tên gọi khác là T), sinh năm 1970, nơi cư trú: Số 02, tổ 9, khóm 3, thị trấn C L, huyện T B, tỉnh A G.

+ Ông Huỳnh Văn H, sinh nam 1973, nơi cư trú: Tổ 13, ấp T B H, xã N H, huyện T B, tỉnh A G.

+ Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1975, nơi cư trú: ấp T B H, xã N H, huyện T B, tỉnh A G.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn C – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn C chung sống với nhau từ năm 1964, ông bà không có đăng ký kết hôn, thời gian ông bà chung sống với nhau có 04 người con, gồm: Huỳnh Văn D; Huỳnh Thị Tuyết M; Huỳnh Văn H và Huỳnh Thanh H, hiện tất cả 04 người con đã trưởng thành và có gia đình riêng. Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông C được cha mẹ cho khối tài sản chung, cụ thể:

- Diện tích 1.408 m², tọa lạc khóm Sơn Đông, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00556 QSDĐ/bK ngày 13/12/1994 đứng tên Huỳnh Văn C;

- Diện tích 4.353 m² còn lại, tọa lạc thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202 QSDĐ/bK ngày 17/11/1993 đứng tên Huỳnh Văn C (xác nhận tại trang 4).

Tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bàng lập, giữa bà và ông C có thỏa thuận chia tài sản nhưng bà chưa được chia.

Nay bà yêu cầu:

+ Được chia đôi tài sản, xin nhận bằng hiện vật phần bà được chia.

+ Về chi phí tố tụng: Bà đã tạm ứng chi phí đo đạc: 5.784.200 đồng; chi phí định giá 800.000 đồng, tổng cộng: 6.584.200đ nếu Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu thì yêu cầu bị đơn phải trả lại.

Bị đơn ông Huỳnh Văn C trình bày: Về hôn nhân ông thống nhất với nội dung trình bày của bà D, ông bà có 04 người con chung, gồm: Huỳnh Văn D, Huỳnh Thị Tuyết M, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thanh H đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Khoảng năm 2010 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), ông đã chia cho các con Huỳnh Văn D 07 công đất, Huỳnh Thị Tuyết M 04 công đất, Huỳnh Văn H 07 công đất và Huỳnh Thanh H 07 công đất tọa lạc tại xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, còn lại khoảng 05 công thì để lại cho ông và bà D dưỡng già (nhưng con Huỳnh Thanh H đã lấy phần này bán cho người khác).

Đối với diện tích 4.353 m² và 1.408 m² do ông đang quản lý, đều tọa lạc tại thị trấn Nhà Bàng có nguồn gốc do ông bà để lại nên ông không đồng ý chia, vì đất này làm hương quả thờ cúng trong dòng họ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D, bà Huỳnh Thị Tuyết M, ông Huỳnh Thanh H và ông Huỳnh Văn H cùng trình bày: Về nguồn gốc diện tích đất 1.408 m² tọa lạc tại khóm Sơn Đông, thị trấn Tịnh Biên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00556/bK ngày 13/12/1994, đứng tên Huỳnh Văn C và diện tích 4.353 m² tọa lạc tại khóm Sơn Đông, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202/bK ngày 17/11/1993 đứng tên Huỳnh Văn C, là của ông bà để lại cho cha mẹ (Lê Thị D và Huỳnh Văn C), đây là tài sản chung của cha mẹ. Đối với tranh chấp giữa bà D và ông C thì ông, bà không tranh chấp và không có ý kiến.

Tại Bản án sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về chia tài sản chung: *Phân chia tài sản bằng hiện vật được tính theo Bản trích đo địa chính do văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 31/10/2019.*

- Bà Lê Thị D được quyền quản lý, sử dụng diện tích 144 m² đất, thừa tạm, tại các điểm 8,14,11,9 về 8 và diện tích 513,3 m², thừa tạm 25, tại các điểm 15,14,8,9,10,26,27 về 15. Tổng cộng 657,3 m².

- Ông Huỳnh Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 673,9 m², thừa tạm 23, tại các điểm 21,25,26,10,3,29,28,20 về 21.

- Bà Lê Thị D được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.565 m², thừa tạm tại các điểm 12,13,14,15,21,20 về 12 và diện tích 892 m², thừa tạm 1, tại các điểm 4,5,19,18 về 4.

- Ông Huỳnh Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.565 m², thừa 30, tại các điểm 7,8,9,20,21 về 7 và diện tích 892 m², thừa 70, tại các điểm 2,3,17,16,18,19 về 2.

Ông Huỳnh Văn C có trách nhiệm hoàn lại cho bà Lê Thị D giá trị chênh lệch đối với $\frac{1}{2}$ diện tích $16,6 \text{ m}^2$, số tiền là 547.800đ (*năm trăm, bốn mươi bảy ngàn, tám trăm đồng*).

Toàn bộ diện tích trên tọa lạc tại thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00556 QSDĐ/bK ngày 13/12/1994, số thửa 4458, 4459, tờ bản đồ 01 đứng tên Huỳnh Văn C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202 QSDĐ/bK ngày 17/11/1993, số thửa 877, 899, tờ bản đồ 01, đứng tên Huỳnh Văn C (xác nhận tại trang 4).

(Kèm theo hai (02) Bản trích đo địa chính do văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 31/10/2019).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/5/2021 ông Huỳnh Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Trích lục hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tọa lạc ấp Cây Châm, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc từ ông H cho ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị Ngọc D;

2. Làm rõ các lời khai của D, H và M để xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ ông để lại cho ông (C) chứ không phải tài sản chung của ông và bà D;

3. Ông đồng ý chia thêm cho bà D $\frac{1}{3}$ diện tích đất tọa lạc tại khóm Sơn Đông, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00556/bK cấp ngày 13/12/1994 do ông đứng tên diện tích đo đạc thực tế là $1.331,2 \text{ m}^2$ (trong đó ông và bà D mỗi người một phần, một phần để làm hương hỏa thờ cúng), còn đất ruộng đo thực tế 4.914 m^2 giữ nguyên cho ông sử dụng lấy huê lợi thờ cúng ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án.

Tuy nhiên, đại diện ông C xin kháng cáo bổ sung yêu cầu cấp phúc thẩm giao diện tích đất ở hiện có căn nhà ông C đang ở để ông ổn định cuộc sống không phải di chuyển nhà ở, vì bà D đã ra sống riêng từ lâu không còn sống trong căn nhà này; do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chỉ giao bản án không kèm theo Bản trích đo hiện trạng trong bản án, nên khi xem không biết diện tích được chia nằm ở vị trí nào, nay tại tòa Hội đồng xét xử giải thích mới biết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng: Đối với diện tích đất nông nghiệp bà D

yêu cầu chia là 4.353m^2 , nhưng khi đo đạc thực tế diện tích 4.914m^2 , dư 561m^2 bà D không có đơn khởi kiện bổ sung phần diện tích dư và không nộp tạm ứng án phí, nhưng cấp sơ thẩm vẫn chia là vượt quá yêu cầu khởi kiện; tại biên bản hòa giải ngày 9/12/2010 tại UBND thị trấn Nhà Bàng bà D thống nhất quản lý định đoạt phần đất kênh Vĩnh Tế, còn đất ở thị trấn Nhà Bàng giao cho ông C, nên bà không có quyền chia nữa và nên chia cho bà D với tỷ lệ ít hơn ông C vì nguồn gốc đất của cha mẹ ông C để lại; cấp sơ thẩm chia diện tích đất không hợp lệ, chia phần đất có căn nhà ông C đang ở giao cho bà D trong khi bà D không có ở trong căn nhà này từ lâu và về đạo đức mà nói cũng cần có thêm thời gian để ông C, bà D suy nghĩ lại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì các con của ông C, bà D cũng xác nhận đất này là của ông bà để lại cho ông C, bà D.

Đại diện nguyên đơn trình bày bổ sung, đồng ý giao phần diện tích đất có căn nhà ông C đang ở trở lại cho ông C và bà D nhận phần đất liền kề bên, vì hiện bà D đang sống chung với ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Huỳnh Văn C là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 chấp nhận một phần kháng cáo của ông C. Bởi lẽ, tòa án cấp sơ thẩm chia diện tích đất có căn nhà ông C đang ở cho bà D là không phù hợp, làm xáo trộn, ảnh hưởng đến cuộc sống của ông C, nên cần sửa bản án sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên; giao diện tích đất có căn nhà ông C đang ở trở lại cho ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh Văn C kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bà D, ông C vắng mặt, nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông C, thấy: Ông C kháng cáo đưa ra 03 yêu cầu, yêu cầu thứ nhất ông yêu cầu trích lục hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tọa lạc ấp Cây Châm, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc từ ông H cho ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị Ngọc D; xét yêu cầu kháng cáo này không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, tại cấp sơ thẩm ông không có tranh chấp (BL 57), vì nó không liên quan đến vụ án, vả lại ở cấp sơ thẩm ông cũng không có yêu cầu phản tố, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này.

[2.1] Ông C yêu cầu làm rõ các lời khai của D, H và M để xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ ông để lại cho ông (C) chứ không phải tài sản chung của ông và bà D; về yêu cầu này đã được cấp sơ thẩm xem xét làm rõ, đúng là tài sản của ông và bà D được cha mẹ ông để lại cho ông và bà D trong thời kỳ hôn nhân, ông cùng bà D đã chung sống từ năm 1964 đến nay và trong suốt thời gian này ông C cũng không có văn bản nào chứng minh là tài sản trên ông được cho riêng; hơn nữa tại biên bản hòa giải ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên ông thừa nhận tài sản bà D yêu cầu chia trên là tài sản chung của ông và bà D (BL 213).

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo ông đồng ý chia thêm cho bà D 1/3 diện tích đất tọa lạc tại khóm Sơn Đông, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00556/bK cấp ngày 13/12/1994 do ông đứng tên diện tích đo đạc thực tế là 1.331,2m² (trong đó ông và bà D mỗi người một phần, một phần để làm hương hỏa thờ cúng), còn đất ruộng đo thực tế 4.914m² giữ nguyên cho ông sử dụng lấy huê lợi thờ cúng ông bà.

Xét yêu cầu kháng cáo này không có cơ sở chấp nhận, vì đây là tài sản chung của vợ chồng đã được cấp sơ thẩm nhận định tại Điều 38, Điều 33 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D xin chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân mỗi người ½ là hoàn toàn có căn cứ.

[2.3] Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay đại diện ông C và bà D đã xác định lại diện tích đất 1408m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00556/bK do UBND huyện Tịnh Biên cấp ngày 13/12/1994 cho ông C đứng tên, diện tích đo đạc thực tế là 1.331,2m² Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi phần đất ra làm hai, phần diện tích bà D được chia là 144m² đất ở và 513,3m² đất cây lâu năm, phần đất bà D được chia lại có căn nhà của ông C đang ở, còn phần ông C lại nhận phần đất được chia là 673,9m² đất cây lâu năm, lại không có căn nhà ông đang ở là chưa phù hợp, gây khó khăn cho C phải di dời nhà để giao đất cho bà D, trong khi bà D không có nhu cầu ở tại phần đất tranh chấp này. Do vậy, để việc phân chia phù hợp với thực tế cho những người đang sử dụng được ổn định không phải di dời, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo bổ sung phù hợp với ý kiến của đại diện nguyên, bị đơn sửa bản án sơ thẩm như sau:

[2.4] Giao cho ông Huỳnh Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở 144 m² đất, thửa tạm, tại các điểm 8,14,11,9 về 8 và diện tích lâu năm 513,3 m², thửa tạm 25, tại các điểm 15,14,8,9,10,26,27 về 15. Tổng cộng 657,3 m².

- Giao cho bà Lê Thị D được quyền quản lý, sử dụng diện tích lâu năm 673,9 m², thửa tạm 23, tại các điểm 21,25,26,10,3,29,28,20 về 21.

[3] Đối với đất 02 lúa (đất nông nghiệp): Diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202 QSDĐ/bK ngày 17/11/1993, số thửa 877, 899, tờ bản đồ 01, đứng tên Huỳnh Văn C (xác nhận tại trang 4) là: 4.353m², theo diện tích thực đo là 4.914m² (theo công văn số 5455/UBND-NC ngày 6/9/2021 của UBND huyện Tịnh Biên V/v phúc đáp Công văn số 43/TA-HNGĐ ngày 26/7/2021 của TAND tỉnh) thì diện tích đất tăng 561m² nằm trong thửa số 899, tờ bản đồ số 01 giấy CN.QSDĐ huyện Tịnh Biên số vào sổ 00202 QSDĐ/bK do ông C đứng tên. Lẽ ra, cấp sơ thẩm có hướng dẫn giải thích cho nguyên đơn biết để làm đơn khởi kiện bổ sung chia phần diện tích đất dư so với giấy; nhưng cấp sơ thẩm không giải thích hướng dẫn mà vẫn chia là có vi phạm. Xét các đương sự cả ông C, bà D cũng chỉ biết diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên chứ không biết đất mình có dư so với giấy và thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng (BL: 213) và ông cũng không kháng cáo về diện tích này; vì vậy cũng đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, bởi lẽ, đây cũng là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

- Bà Lê Thị D được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.565 m², thửa tạm tại các điểm 12,13,14,15,21,20 về 12 và diện tích 892 m², thửa Tạm 1, tại các điểm 4,5,19,18 về 4.

- Ông Huỳnh Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.565 m², thửa 30, tại các điểm 7,8,9,20,21 về 7 và diện tích 892 m², thửa 70, tại các điểm 2,3,17,16,18,19 về 2.

(kèm theo hai bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Tịnh Biên lập ngày 31/10/2019). Bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh và đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[3.1] Việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia tài sản chung nói trên bằng hiện vật là phù hợp pháp luật. Nhưng cấp sơ thẩm chú trọng về diện tích đất chênh lệch để tính giá trị diện tích đất chênh lệch mà không tính đến giá trị của loại đất được phân chia là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, nên cần phải rút kinh nghiệm. Vì vậy, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại giá trị đất chênh lệch cho cụ thể.

[3.2] Đối với đất ở và đất màu (có cây lâu năm) theo đo thực tế là: 1.331,2m²

Bà D được nhận 673,9 m² (đất lâu năm) x giá 60.000 đồng/ m² x 1,1 (hệ số điều chỉnh) = 44.477.400 đồng.

Ông C nhận 144 m² (đất ở) x 150.000 đồng/ m² x 1,15 (hệ số điều chỉnh) = 24.840.000 đồng và 513,3 m² (đất lâu năm) x giá 60.000 đồng/ m² x 1,1 (hệ số điều chỉnh) = 33.877.800 đồng. Tổng thành tiền là: 58.717.800 đồng.

Như vậy, ông C nhận diện tích đất có giá trị lớn hơn bà D 14.240.400 đồng (58.717.800 đồng - 44.477.400 đồng), Ông C có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch $\frac{1}{2}$ cho bà D: 14.240.400 đồng: 2 = 7.120.200 đồng.

[3.3] Đối với đất hai lúa các bên nhận diện tích như nhau và giá trị bằng nhau nên không phải điều chỉnh.

[4] Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông C, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

[4.1] Đối với luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị giữ y án sơ thẩm là chưa đủ căn cứ và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm miễn toàn bộ án phí cho bà D và ông C theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thuộc trường hợp người cao tuổi, nhưng các đương sự không có đơn xin miễn án phí là chưa đúng theo tinh thần Nghị quyết. Tại phiên tòa hôm nay bà D và ông C có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà D 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003884 ngày 6/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông C không phải chịu án phí; được hoàn lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007286 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn C.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang:

Căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 38, 39, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung bằng hiện vật.

- Giao cho ông Huỳnh Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở 144 m² đất, thửa tạm, tại các điểm 8,14,11,9 về 8 và diện tích đất lâu năm 513,3 m², thửa tạm 25, tại các điểm 15,14,8,9,10,26,27 về 15. Tổng cộng 657,3 m².

- Giao cho bà Lê Thị D được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất lâu năm 673,9 m², thửa tạm 23, tại các điểm 21,25,26,10,3,29,28,20 về 21.

- Bà Lê Thị D được quyền quản lý, sử dụng diện tích nông nghiệp 1.565 m², thửa tạm tại các điểm 12,13,14,15,21,20 về 12 và diện tích đất nông nghiệp 892 m², thửa tạm 1, tại các điểm 4,5,19,18 về 4.

- Ông Huỳnh Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích nông nghiệp 1.565 m², thửa 30, tại các điểm 7,8,9,20,21 về 7 và diện tích nông nghiệp 892 m², thửa 70, tại các điểm 2,3,17,16,18,19 về 2.

- Ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất chênh lệch cho bà Lê Thị D 7.120.200 đồng.

Toàn bộ diện tích trên tọa lạc tại thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00556 QSDĐ/bK ngày 13/12/1994, số thửa 4458, 4459, tờ bản đồ 01 đứng tên Huỳnh Văn C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00202 QSDĐ/bK ngày 17/11/1993, số thửa 877, 899, tờ bản đồ 01, đứng tên Huỳnh Văn C có xác nhận tại trang 4; (kèm theo hai bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Tịnh Biên lập ngày 31/10/2019). Bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh và đăng ký mới để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà D, ông C. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà D 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003884 ngày 6/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn C không phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007286 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn C phải hoàn lại cho bà Lê Thị D 3.292.000 đồng.

- Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. Tịnh Biên (1)
- THA H. Tịnh Biên (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành”;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải